

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 11/2022/DS-PT.

Ngày: 19/01/2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thạo

Ông Hà Văn Nâu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Nguyễn Đức Sơn –
Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Bắc Giang.

Ngày 19/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công
khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLPT-DS ngày 22/10/2021 về “*Tranh chấp quyền sử
dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 10/8/2021 của Tòa án
nhân dân huyện Yên Dũng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2021/QĐ-PT ngày
30/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2021/QĐ-PT ngày 23/12/2021, giữa
các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1952; Địa chỉ: Xóm 2, thôn
Thành Công, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.((có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Võ Thị An
Bình – Luật sư trợ giúp pháp lý (có mặt)

+ **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Do chị Lê Thị H1, sinh năm
1973; Cùng địa chỉ: Thôn Thành Công, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc
Giang đại diện theo ủy quyền (có mặt)

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Thân Thị L, sinh năm 1956 (có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981 (có mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Tuyết Hng, sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm 2, thôn Thành Công, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng,
tỉnh Bắc Giang. (Bà L, anh Th và chị Hng ủy quyền cho ông Ch).

4. Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang do bà Phòng Thị Ngân -
Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Yên Dũng đại diện theo ủy
quyền (vắng mặt)

5. Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang do ông Thân Văn Gi - Phó Chủ tịch UBND xã Tiền Phong đại diện theo ủy quyền (vắng mặt)

6. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Thành Công, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn bà Thân Thị L, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị Tuyết Hng (do ông Nguyễn Văn Ch đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Năm 1991 hợp tác xã chia ruộng cho người dân để sản xuất, gia đình ông được chia 3 định xuất gồm: Ông, vợ ông là bà Thân Thị L mỗi người 01 định xuất; con trai ông là Nguyễn Văn Th và con gái ông là Nguyễn Thị Tuyết Hng mỗi người ½ định xuất.

Khi đó theo định mức của hợp tác xã thì 01 định xuất ruộng được nhận 2 sào bắc bộ ($360\text{m}^2/01 \text{ sào} = 720\text{m}^2$), gia đình ông có 3 định xuất là được 6 sào = 2.160m^2 NH thực tế gia đình ông được chia tổng 2.230m^2 gồm nhiều xứ đồng, trong đó có xứ đồng Rộc Quan nhà ông được chia 357m^2 . Khi hợp tác xã giao đất cho gia đình ông canh tác thì chỉ có chia theo sổ kế toán của hợp tác xã, không có giấy tờ gì về việc bàn giao đất ruộng cho từng hộ. Năm 1991, Nhà nước cũng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp.

Gia đình ông canh tác sử dụng diện tích đất ruộng được giao trên đến năm 1992 thì cho bà H là người cùng thôn mượn 357m^2 ở xứ đồng Rộc Quan để canh tác. Khi ông cho bà H mượn thì không lập giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến, 2 bên thỏa thuận miệng là đến khi nào ông đòi thì bà H phải trả, bà H phải có trách nhiệm đóng thuế sản đối với diện tích đất đó. Có rất nhiều người dân sinh sống tại thôn Thành Công, xã Tiền Phong biết việc gia đình ông có được chia ruộng tại Rộc Quan gồm: Nguyễn Văn Thanh, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn Diện, sinh năm 1963; ông Thân Văn Dũng, sinh năm 1970; ông Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1968; Ông Nguyễn Văn Sáu, sinh năm 1958; cụ Nguyễn Thị Chắt, sinh năm 1945; ông Thân Văn Lương, sinh năm 1950.

Năm 1999, khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các hộ dân thì gia đình ông được cấp 1.874m^2 đất nông nghiệp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00555QSĐĐ/24/QĐ-UBH ngày 26/01/1999 của UBND huyện Yên Dũng gồm các thửa đất cụ thể: thửa số 334, tờ bản đồ số 4 diện tích 125m^2 ; thửa số 297, tờ bản đồ số 4 diện tích 321m^2 ; thửa số 80, tờ bản đồ số 4 diện tích 140m^2 ; thửa số 58, tờ bản đồ số 4 diện tích 369m^2 ; thửa số 162, tờ bản đồ số 7 diện tích 136m^2 ; thửa số 352, tờ bản đồ số 4 diện tích 208m^2 ; thửa số 109, tờ bản đồ số 3 diện tích 135m^2 ; thửa số 167, tờ bản đồ số 4 diện tích 88m^2 ; thửa số 309, tờ bản đồ số 3 diện tích 95m^2 ; thửa số 286, tờ bản đồ số 7 diện tích 155m^2 ; thửa số 201, tờ bản đồ số 1 diện tích 161m^2 .

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì diện tích đất ruộng của gia đình ông bị giảm so với năm 1991 là 356 m² và không có diện tích ruộng ở xứ đồng Rộc Quan (năm 1991 chưa cấp giấy CNQSD đất nông nghiệp). Khi phát hiện diện tích đất của gia đình ông bị thiếu diện tích ruộng Rộc Quan, và ông biết diện tích ruộng Rộc Quan của gia đình ông đã bị Nhà nước cấp hết vào sổ đỏ đất nông nghiệp nhà bà H. Ông đã có ý kiến đến Ủy ban nhân dân xã Tiên Phong để xem xét giải quyết chia lại đủ ruộng cho gia đình ông nH Ủy ban nhân dân xã Tiên Phong không giải quyết và ông Thẩm cán bộ địa Ch xã và ông Hà là Chủ tịch UBND xã Tiên Phong lúc đó yêu cầu ông phải có sổ bìa đỏ đất ruộng nhà bà H thì mới giải quyết. Hiện nay ông Thẩm và ông Hà đều đã chết.

Từ khi hợp tác xã chia ruộng cho ông năm 1991 (chưa có giấy CNQSD Đất) đến khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông năm 1999 thì gia đình ông không được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp nào khác. Đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 2 thuộc xứ đồng Rộc Quan thì từ trước đến nay ông không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên ông cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Bản thân ông không có giấy tờ gì chứng minh gia đình ông có được hợp tác xã chia ruộng Rộc Quan. Toàn bộ sổ sách về việc chia ruộng của Đội năm 1991 hiện tại vẫn đang do anh Nguyễn Văn Trường (sinh năm 1957) ở thôn Thành Công, xã Tiên phong đang lưu giữ. Năm 2005, khi ông đòi ruộng của bà H thì ông có sang gặp anh Trường nhờ anh Trường cho xem sổ chia ruộng của đội, anh Trường có cho ông xem sổ và ông có tự ghi chép lại bản ghi chi tiết diện tích ruộng của hộ gia đình ông và hộ gia đình bà H và ông nộp cho Tòa án. Tòa án yêu cầu ông cung cấp sổ chia ruộng ông tự ghi chép đó và nộp cho Tòa án thì ông không cung cấp được.

Sau khi ông cho bà H mượn ruộng năm 1992, bà H canh tác và đóng sản đối với diện tích ruộng Rộc Quan. Năm 2005, ông đòi diện tích đất ruộng Rộc Quan nêu trên thì bà H có trả lại cho ông 193 m² ruộng Rộc Quan và 91 m² ruộng ở Đồng Sỏi. Còn lại 1/2 phần diện tích ruộng Rộc Quan (tức 193 m²) bà H bảo cho bà mượn canh tác tiếp nên ông vẫn để bà H cấy ½ diện tích ruộng Rộc Quan. Gia đình ông canh tác diện tích Rộc Quan và Đồng sỏi do bà H trả từ năm 2005 đến năm 2015 thì do ruộng Rộc Quan sâu và xa, trồng lúa không được năng suất và cả khu vực Rộc Quan người dân trong thôn đều không ai cấy lúa nữa nên ruộng gia đình ông bỏ không. Sau đó có một số hộ dân họ đã tự phát trồng sen trên diện tích ruộng đó đến nay. Từ năm 2005 gia đình ông vẫn đóng sản đầy đủ đối với diện tích đất này.

Tại đơn khởi kiện ban đầu ông yêu cầu bà H trả lại 386m² đất ruộng thuộc thửa số 252, tờ bản đồ số 2, tại xứ đồng Rộc Quan mượn của ông từ năm 1992. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông đã xin rút một phần yêu cầu trong đơn khởi kiện về việc tách trả ruộng nhà nào về nhà nấy, chỉ yêu cầu bà H trả lại 386m² đất ruộng thuộc thửa số 252, tờ bản đồ số 2, tại xứ đồng Rộc Quan. Ông cho rằng định xuất ruộng Rộc Quan nhà ông được chia năm 1991 là 357m² do lúc đó đo bằng sào gậy, sau này đo lại

để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H thì đo bằng thước dây nên diện tích là 386m², vậy diện tích bà H được cấp là 386m² nên ông đòi 386m².

Đối với diện tích 386 m² tại đã có Quyết định thu hồi và có Quyết định bồi tHng, nH do đang có tranh chấp nên bà H chưa được nhận tiền bồi tHng. Vì vậy, nay ông yêu cầu bà H trả lại cho ông diện tích ruộng Rộc Quan 386m² nH đề nghị được nhận bằng tiền Nhà nước thu hồi diện tích thực tế là 410,8m² là 110.350.880 đồng.

Về phần diện tích 386 m² là phần định xuất ruộng của 4 người trong gia đình ông gồm ông, bà Thân Thị L, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị Tuyết Hng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 1991 hợp tác xã chia ruộng cho người dân để sản xuất, gia đình bà được chia 2,5 định xuất gồm: của mẹ đẻ bà (cụ Nguyễn Thị Cồn) 1 định xuất; bố đẻ bà (cụ Nguyễn Đức Kính) ½ định xuất và của bà 1 định xuất. Trong đó có 1,1 sào ruộng tại xứ đồng Rộc Quan. Khi đó là do con gái bà (chị Lê Thị H1) đi lấy chồng nên khi thôn chia lại ruộng thì gia đình bà phải rút bớt ruộng của chị H1 đi và còn lại là 2,5 định xuất. Gia đình bà phải rút ruộng ở một số xứ đồng Rộc Lẽ, xứ đồng cửa làng, xứ đồng chân bãi Lường để dồn ruộng lấy về Rộc Quan và một số xứ đồng khác cho gọn. Còn phần ruộng của chị H1 thì thôn chia cho chị H1 cùng hộ anh Hiệp là chồng cũ của chị H1. Hiện tại bố, mẹ bà đều đã chết, không ai còn sống.

Năm 1993 thôn chia lại ruộng thì gia đình bà được nhà nước chia 1.689 m² đất nông nghiệp và đã được Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 540/255 ngày 01/06/1993 mang tên hộ ông Nguyễn Đức Kính (bố đẻ bà) gồm: Cửa làng: 113m²; cửa làng: 250m²; chân bãi Lường: 142m²; vòng Ngang 54m²; rộc quan: 386m²; đồng Sòi: 109m²; đồng Sòi: 91m²; đồng Nội: 175m².

Năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng có cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà với tổng diện tích 1.775m² đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 764849 mang tên hộ bà Nguyễn Thị H cấp ngày 26/01/1999 với diện tích cụ thể: thửa số 80, tờ bản đồ số 4 diện tích 113m²; thửa số 122, tờ bản đồ số 4 diện tích 250 m²; thửa số 163, tờ bản đồ số 7 diện tích 129 m²; thửa số 352, tờ bản đồ số 4 diện tích 142 m²; thửa số 58, tờ bản đồ số 4 diện tích 239 m²; thửa số 167b, tờ bản đồ số 4 diện tích 54 m²; thửa số 252, tờ bản đồ số 2 diện tích 386 m²; thửa số 292, tờ bản đồ số 7 diện tích 109 m²; thửa số 337, tờ bản đồ số 7 diện tích 87 m²; thửa số 314, tờ bản đồ số 7 diện tích 91 m²; thửa số 201, tờ bản đồ số 1 diện tích 175 m².

Năm 1999, diện tích bà được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất chênh lên 86m² là do ở xứ đồng vòng ngang bà có khai hoang được khoảng 3,5 thước (tương đương 86m²) nên năm 1999 Nhà nước vào sổ luôn để gánh sản.

Từ năm 1991 đến nay gia đình bà vẫn cấy 1,1 sào ruộng tại xứ đồng Rộc Quan và đóng thuế, sản đầy đủ cho Nhà nước.

Năm 1991, khi chia ruộng thì gia đình ông Ch không có ruộng ở xứ đồng Rộc Quan, lý do do khu đồng đó xa, ruộng sâu, sụt lún, ông Ch cụt chân từ nhỏ nên thôn ưu tiên cho gia đình ông Ch không có ruộng ở đồng Rộc Quan mà chia cho ông Ch ruộng khu khác.

Năm 2005 thì ông Ch có hỏi mượn ruộng của bà và bà có cho ông Ch mượn $\frac{1}{2}$ diện tích ruộng Rộc Quan và 3 thước ở đồng Sòi và ông Ch đóng thuế, sản với nhà nước phần đó. Chứ ông Ch trình bày là do bà mượn ruộng Rộc Quan và năm 2005 trả lại ông $\frac{1}{2}$ diện tích ruộng Rộc Quan và ở đồng Sòi là không đúng, bà mới là người cho ông Ch mượn. Ông Ch cấy được khoảng 3 đến 4 năm sau thì cả khu ruộng đồng Rộc Quan người dân trong thôn bỏ không, không cấy. Gia đình ông Ch cũng không cấy nữa, gia đình bà cũng không cấy vì ruộng xa và đồng sâu, sụt lún. Việc bà cho ông Ch mượn ruộng cấy năm 2005 hai bên không lập văn bản gì, chỉ thỏa thuận miệng. Bà cũng không đề nghị gì về nội dung ông Ch mượn ruộng của bà như trên trong vụ án này.

Năm 2019, Nhà nước thu hồi diện tích đất của thôn Thành Công tại khu đồng Rộc Quan và bồi tHng tiền đất cho người dân, gia đình bà bị thu hồi toàn bộ 386m². Khi đó ông Ch mới quay sang khiếu nại lên UBND xã và cho rằng đất ruộng Rộc Quan của gia đình bà là đất của ông Ch.

Quá trình ông Ch làm đơn khiếu nại lên UBND xã Tiên Phong, UBND xã Tiên Phong đã làm việc đối chiếu tổng diện tích ruộng của cả 2 hộ đều đủ ruộng, không bên nào bị thiếu. Trong sổ chia ruộng của thôn năm 1992, 1993 của thôn Thành Công vẫn còn lưu giữ. Các cán bộ chia ruộng năm đó hiện còn ông Nguyễn Văn Trường, sinh năm 1957 và ông Nguyễn Văn Hán vẫn còn sống hiện đang sinh sống ở thôn Thành Công, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Nay ông Ch khởi kiện yêu cầu bà trả lại ông Ch 386m² đất ruộng thuộc thửa số 252, tờ bản đồ số 02 tại xứ đồng Rộc Quan bà không đồng ý. Ông Ch nói bà mượn ruộng của ông từ năm 1992 là không đúng. Ruộng Rộc Quan là của gia đình bà được chia từ năm 1991 và bà cấy từ năm 1991 đến nay, bà đều đóng thuế, sản đầy đủ cho Nhà nước theo quy định và đã được Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đầy đủ.

Quá trình làm việc bà ủy quyền cho con gái là chị Lê Thị H1 tham gia tố tụng thay bà và quyết định toàn bộ các vấn đề liên quan đến vụ án.

Chị Lê Thị H1 đại diện ủy quyền của bà H khai: Chị là con gái của bà Nguyễn Thị H. Về việc ông Ch rút yêu cầu tại đơn khởi kiện về việc tách ruộng nhà nào trả về nhà nấy thì bà H không có ý kiến gì.

Ông Ch khởi kiện đòi diện tích 386 m² xứ đồng Rộc Quan nH hiện nay khi Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng đã thu hồi. Khi tiến hành đo đạc lại thì diện tích thực tế là 410,8m² nên Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng thu hồi cả 410,8m² và bồi tHng bằng tiền nH bà H chưa được nhận tiền. Vì vậy, nay ông Ch yêu cầu bà H trả lại cho ông diện tích ruộng Rộc Quan 386m² và yêu cầu được nhận bằng tiền nhà nước thu hồi đối với diện tích thực tế là 410,8m², cụ thể 110.350.880 đồng bà không nhất trí, ruộng là của bà H thì tiền đền bù phải trả cho bà.

Với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H1 khai: Chị nhất trí với ý kiến của bà H, không chấp nhận yêu cầu của ông Ch, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho bà H.

Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm trên.

Ủy ban nhân dân xã Tiên Phong do ông Thân Văn Giang đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo sổ địa Ch năm 1999 đang lưu trữ tại UBND xã Tiên Phong cho thấy:

Tại trang số 59, quyền số 01 Sổ địa Ch thôn Thành Công, xã Tiên Phong thể hiện hộ ông Nguyễn Văn Ch và bà Thân Thị L được Nhà nước giao quyền sử dụng 1.874m² đất nông nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00555 ngày 26/01/1999; căn cứ pháp lý vào sổ Quyết định số 24/QĐ-UBND năm 1999. Cụ thể diện tích tại các xứ đồng cụ thể như sau: Thửa 343, tờ bản đồ số 4 tại bãi Lường diện tích 125m²; Thửa 297, tờ bản đồ số 4 tại Vòng Ngang diện tích 321m²; Thửa 80, tờ bản đồ số 4 tại Cửa Làng diện tích 140m²; Thửa 58, tờ bản đồ số 4 tại Cửa Làng diện tích 369m²; Thửa 162, tờ bản đồ số 4 tại Cửa Miếu diện tích 136m²; Thửa 352, tờ bản đồ số 4 tại Cửa Bãi Lường diện tích 208m²; Thửa 109, tờ bản đồ số 4 tại Rộc Lẽ diện tích 135m²; Thửa 167, tờ bản đồ số 4 tại Vòng Ngang diện tích 88m²; Thửa 309, tờ bản đồ số 4 tại Rộc Lẽ diện tích 135m²; Thửa 286, tờ bản đồ số 4 tại Đồng Sòi diện tích 155m²; Thửa 201, tờ bản đồ số 4 tại Đồng Nội diện tích 161m².

Tại trang số 170, quyền số 01 Sổ địa Ch thôn Thành Công, xã Tiên Phong thể hiện hộ bà Nguyễn Thị H được Nhà nước giao quyền sử dụng 1.775m² đất nông nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00444 ngày 26/01/1999; căn cứ pháp lý vào sổ Quyết định số 24/QĐ-UBND năm 1999. Cụ thể diện tích tại các xứ đồng cụ thể như sau: Thửa 80, tờ bản đồ số 4 tại Cửa Làng diện tích 113m²; Thửa 122, tờ bản đồ số 4 tại Cửa Làng diện tích 250m²; Thửa 163, tờ bản đồ số 7 tại Cửa Miếu diện tích 129m²; Thửa 352, tờ bản đồ số 4 tại Chân Bãi Lường diện tích 142m²; Thửa 58, tờ bản đồ số 4 tại Cửa Làng diện tích 239m²; Thửa 167, tờ bản đồ số 4 tại Vòng Ngang diện tích 54m²; Thửa 252, tờ bản đồ số 2 tại Rộc Quan diện tích 386m²; Thửa 292, tờ bản đồ số 7 tại Đồng Sòi diện tích 109m²; Thửa 337, tờ bản đồ số 7 tại Đồng Sòi diện tích 87m²; Thửa 314, tờ bản đồ số 7 tại Đồng Sòi diện tích 21m²; Thửa 201, tờ bản đồ số 1 tại Đồng Nội diện tích 175m².

Ngoài sổ địa Ch năm 1999 nêu trên, UBND xã Tiên Phong không còn lưu trữ được sổ sách, văn bản nào có thông tin quản lý đất nông nghiệp của hộ ông Ch và bà H từ năm 1991 đến trước năm 1999.

Thông tin về 386m² đất nông nghiệp tại thửa đất số 252, tờ bản đồ 02 thuộc xứ đồng Rộc Quan, thôn Thành Công, xã Tiên Phong hiện tại như sau:

Ngày 02/03/2018 Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng có Thông báo thu hồi đất số 04/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu phía nam khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng thu hồi 120.000m² đất nông nghiệp thuộc thôn Thành Công và thôn Quyết Tiên xã Tiên Phong. Trong đó có diện tích đất nông nghiệp thuộc thửa số 252, tờ bản đồ 02 tại xứ đồng Rộc Quan.

Trên cơ sở thông báo thu hồi đất trên, Ủy ban nhân dân xã Tiên Phong cùng trung tâm phát triển quỹ đất cho các hộ có diện tích đất thu hồi kê khai nguồn gốc đất. Ngày 14/3/2018, bà H có đến Ủy ban nhân dân xã Tiên Phong tự khai về đất và tài sản có trên đất đối với thửa số 252, tờ bản đồ 02 thuộc xứ đồng Rộc Quan, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 386m² còn diện tích theo trích đo thực tế là 410,8m².

Ngày 20/4/2018 Trung tâm phát triển quỹ đất Yên Dũng và UBND xã Tiên Phong có tiến hành kiểm kê đất và tài sản có trên đất đối với thửa số 252, tờ bản đồ 02 thuộc xứ đồng Rộc Quan với chủ sử dụng đất là bà H.

Trong quá trình kê khai, kiểm kê đất thu hồi thì ông Ch và bà H xảy ra tranh chấp diện tích 386m² đất nông nghiệp thuộc thửa số 252, tờ bản đồ 02 tại xứ đồng Rộc Quan. Ủy ban nhân dân xã Tiên Phong và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Yên Dũng đã nhiều lần làm việc với ông Ch và bà H để xác định nguồn gốc đất bị thu hồi trên là của ai. Tuy nhiên không có kết quả, hai hộ vẫn tranh chấp nhau diện tích đất nêu trên.

Ngày 20/12/2019 UBND huyện Yên Dũng ra Quyết định số 1593/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu phía nam Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng và có danh sách thu hồi đất đối với từng hộ cụ thể kèm theo. Theo quyết định này thì hộ bà H bị thu hồi thửa số 177, tờ bản đồ địa Ch số 91 (bản đồ theo dự án, Ch là thửa số 2525, tờ bản đồ số 2 theo bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ) tại xứ đồng Rộc Quan với tổng diện tích thực tế thu hồi là 410,8m² trong đó đất được Nhà nước giao sử dụng ổn định là 386m², diện tích đất dôi dư trong cùng thửa đất giao sử dụng ổn định là 24,8m²

Đồng thời, ngày 20/12/2019 Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng có Quyết định số 1594/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi tHng, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu phía Nam Khu công nghiệp Song Khê – Nội Hoàng. Theo Quyết định này, bà H được bồi tHng đối với diện tích thu hồi thực tế đo đạc 410,8m² cụ thể mức tiền bồi tHng, hỗ trợ cho là 89.800.880 đồng. Do có tranh chấp nên Trung tâm phát triển quỹ đất chưa thanh toán tiền cho bà H mà gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Yên Dũng, chờ kết quả giải quyết tranh chấp tại Tòa án để có căn cứ chi trả tiền bồi tHng, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích này.

Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng do bà Phòng Thị Ngân đại diện theo ủy quyền trình bày : Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng thống nhất như các lời khai của ủy ban xã Tiên Phong. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 764849 cấp ngày 26/01/1999 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H là đúng quy định.

Nay ông Ch yêu cầu bà H trả lại cho ông diện tích 386m² đất nông nghiệp tại thửa số 252, tờ bản đồ 02 thuộc xứ đồng Rộc Quan, thôn Thành Công, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nH ông yêu cầu được nhận bằng tiền Nhà nước thu hồi là 110.350.880 đồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với những nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng đã

Căn cứ vào các Điều 2, 3, 73 Luật Đất đai 1993, Điều 9, 105 Luật Đất đai 2003; Điều 5, 106 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Điều 158, 166 BLDS năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tHng vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch về việc buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại diện tích 386m² tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 2, địa chỉ thửa đất tại thôn Thành Công, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2021, ông Nguyễn Văn Ch kháng cáo bản án, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Văn Ch không cung cấp được chứng cứ gì mới, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Chị Lê Thị H1 đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của các đương sự:

Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa NH đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2]. Xét nội dung kháng cáo, HĐXX thấy rằng:

Xét về nguồn gốc thửa đất số 252, tờ bản đồ số 2, diện tích 386m², địa chỉ thửa đất tại thôn Thành Công, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, thì thấy: Nguồn

gốc đất theo sổ tổng hợp diện tích ô thửa đội số 5 thì hợp tác xã chia cho ông Nguyễn Đức Kính (bố đẻ bà H) năm 1991, năm 1993 hộ ông Kính được ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy số 540/225 ngày 01/6/1993. Năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện Yên Dũng có cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 764849 mang tên hộ bà Nguyễn Thị H cấp ngày 26/01/1999.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ch buộc bà H trả diện tích 386 m² tại xứ đồng Rộc Quan thuộc thửa số 252, tờ bản đồ số 2 thì thấy:

Thứ nhất: Ông Ch không có bất cứ chứng cứ gì chứng minh ông được chia thửa đất số 252, tờ bản đồ số 2, diện tích 386m², tại xứ đồng Rộc Quan, thôn Thành Công, xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng.

Ông Ch cho rằng gia đình ông được chia 357m² ở ruộng Rộc Quan nH lại đi đòi bà H 386m² là không phù hợp (mặc dù ông cho rằng sau này đo lại là 386m², nH việc này là do ông trình bày không có căn cứ chứng minh việc đo đạc đó).

Thứ hai: Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu ông Ch chứng minh diện tích 386m² đất ruộng thuộc thửa số 252, tờ bản đồ số 2, tại xứ đồng Rộc Quan là ruộng của gia đình ông, ông không cung cấp được tài liệu gì. Lời khai ban đầu tại Tòa án, ông Ch cho rằng toàn bộ sổ sách về việc chia ruộng năm 1991 do ông Nguyễn Xuân Trường lưu giữ và đề nghị Tòa án xác minh với ông Trường để thu thập tài liệu. NH khi Tòa án thu thập được tài liệu và cho ông tiếp cận chứng cứ ông Trường cung cấp thì ông lại không thừa nhận, ông cho rằng có 01 sổ khác ông được ông Trường cho xem có ghi gia đình ông có ruộng Rộc Quan. Ông có tự chép lại bằng tay và nộp cho Tòa án nH khi Tòa án yêu cầu ông cung cấp sổ trên thì ông lại không cung cấp được.

Ông có yêu cầu Tòa án làm việc với một số người biết rõ về ruộng Rộc Quan trong đó có ông Thân Văn Lương - sinh năm 1950 (nguyên là chủ nhiệm hợp tác xã Thành Tiến từ năm 1990 đến 1993), Tòa án xác minh ông Lương cho biết: ông là chủ nhiệm hợp tác xã nên ông quản lý chung. Tại thời điểm chia ruộng năm 1991 đối với hộ ông Ch và hộ ông Kính (bố đẻ bà H, lúc này bà H ở trong hộ) thì thành viên chia ruộng có ông Trường, ông Trường là người giữ sổ sách, Tòa án cho ông xem sổ ông Trường giao nộp: sổ tổng hợp diện tích ô thửa đội số 5 thì ông khẳng định đây là sổ chia ruộng của đội sản xuất số 5 khi đó, nay là thôn Thành Công. Ông khẳng định đây là sổ ghi chép Ch xác các hộ được chia ruộng cụ thể như thế nào. Tòa án cứ căn cứ theo sổ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Thứ ba: Bản thân ông Ch thừa nhận từ trước đến nay ông không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 2 thuộc xứ đồng Rộc Quan.

Thứ tư: Qua xác minh ở Ủy ban xã Tiên Phong, tại sổ địa Ch hộ ông Ch không có bất kì diện tích đất ruộng nào ở xứ đồng Rộc Quan; hộ bà H có diện tích 386m² tại xứ đồng Rộc Quan.

Thứ năm: Năm 1999, gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp nH không có diện tích 386m² thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 2 thuộc

xử đồng Rộc Quan nh ông không có khiếu nại, thắc mắc gì. Ông Ch cho rằng có khiếu nại nh không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh.

Từ những phân tích trên thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, tại cấp phúc thẩm không có thêm chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[2.2]. Về án phí DSPT: Do do ông Nguyễn Văn Ch là người cao tuổi nên ông Ch được miễn tiền án phí DSPT theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tHng vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 10/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng đã xử.

2. Về án phí DSPT: Ông Nguyễn Văn Ch được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ